

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 9 năm 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Tài;

2. Ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 398/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Thu Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp K, xã KT, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn Mỹ N, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp K, xã KT, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các phiên hòa giải bà Dương Thị Thu Đ trình bày: Bà và ông Lâm Văn Mỹ N sống chung với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện C, tỉnh An Giang; hôn nhân tự tình hiểu. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về tài chính, chồng không lo làm ăn và thường xuyên đánh đập vợ; hôn nhân không đạt được mục đích và không còn chung sống từ tháng 01/2022 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, nên bà xin ly hôn với ông Lâm Văn Mỹ N.

- *Về quan hệ con chung*: Bà và ông Mỹ N có 01 con chung tên Lâm Văn T, sinh ngày 20/11/2007. Hiện tại con chung đang chung sống với ông Mỹ N. Khi ly hôn bà đồng ý ông Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà và ông Mỹ N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ nợ chung*: Không có.

Bị đơn ông Lâm Văn Mỹ N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Mỹ N không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Mỹ N về yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thu Đ.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

1. *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán*: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử*, Thư ký phiên tòa: đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

3. *Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng*:

- *Đối với nguyên đơn*: Bà Dương Thị Thu Đ từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Đối với bị đơn*: Ông Lâm Văn Mỹ N từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Bà Dương Thị Thu Đ và ông Lâm Văn Mỹ N tự do tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KT ngày 03/8/2011, vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn về tài chính, ông Mỹ N có hành vi bạo lực gia đình nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 01/2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Lâm Văn Mỹ N.

Xét thấy, bà Đông xác định nguyên nhân là do mâu thuẫn tài chính, ông Mỹ N có hành vi bạo lực gia đình. Gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được. Mặt khác, ông Mỹ N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà Đông; còn phía bà Đông không tình cảm với ông Mỹ N, từ đó cho thấy thiện chí hàn gắn hạnh phúc vợ chồng giữa bà Đông và ông Mỹ N đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nếu để ông Mỹ N và bà Đông tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đông với ông Mỹ N.

- *Về quan hệ con chung*: Có 01 con chung, Lâm Văn T, sinh ngày 20/11/2007, hiện tại ông Mỹ N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà đồng ý ông Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu T hiện do ông Mỹ N chăm sóc phát triển tốt về thể chất và tinh thần,

để ổn định cuộc sống cho cháu nên giao cháu T cho ông Mỹ N tiếp tục chăm sóc. Do ông Mỹ N không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Đông về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận, nên không đề cập đến.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Thu Đ đối với ông Lâm Văn Mỹ N.

- Ông Lâm Văn Mỹ N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lâm Văn T, sinh ngày 20/11/2007. Bà Thu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Chưa phát hiện có vi phạm nên không yêu cầu, kiến nghị khắc phục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Lâm Văn Mỹ N đã được tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông Mỹ N vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Mỹ N là đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Dương Thị Thu Đ xin ly hôn với ông Lâm Văn Mỹ N. Ông Mỹ N có nơi cư trú tại ấp K, xã KT, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Bà Dương Thị Thu Đ và ông Lâm Văn Mỹ N xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện tại tình cảm hôn nhân giữa bà Thu Đ và ông Mỹ N không thể tồn tại. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà Thu Đ và ông Mỹ N không thể hàn gắn được, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Thu Đ xin ly hôn với ông Lâm Văn Mỹ N là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung*: Bà Dương Thị Thu Đ và ông Lâm Văn Mỹ N có 01 con chung tên Lâm Văn T, sinh ngày 20/11/2007. Hiện nay con chung đang sống với ông Mỹ N. Khi ly hôn bà đồng ý để ông Mỹ N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ghi nhận ý kiến của cháu Lâm Văn T. Cháu T có nguyện vọng được ăn ở, sinh hoạt, học tập với ông Mỹ N. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi bà Thu Đ và ông Mỹ N không còn sống chung từ đầu năm 2022 đến nay thì con chung sống ăn ở cùng với ông Mỹ N vẫn đảm bảo thể sức khỏe và tâm sinh lý phát triển tốt. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên giao con chung cho ông Mỹ N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Do ông Mỹ N không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Bà Dương Thị Thu Đ không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng bà có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà Thu Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà Thu Đ trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: Bà Thu Đ trình bày không có nợ chung; nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Thu Đ và ông Mỹ N trong thời kỳ hôn nhân thì bà Thu Đ và ông Mỹ N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thu Đ.
2. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Dương Thị Thu Đ được ly hôn với ông Lâm Văn Mỹ N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 124/2011, ngày 03/8/2011 do Ủy ban nhân dân xã KT, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Dương Thị Thu Đ và ông Lâm Văn Mỹ N. Không còn giá trị pháp lý.

3. *Về quan hệ con chung*: Ông Lâm Văn Mỹ N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lâm Văn T, sinh ngày 20/11/2007. Bà Thu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Thu Đ không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản Thu Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quan hệ tài sản chung*: Bà Thu Đ trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về quan hệ nợ chung*: Bà Thu Đ trình bày không có nợ chung; nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Thu Đ và ông Mỹ N trong thời kỳ hôn nhân thì bà Thu Đ và ông Mỹ N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Dương Thị Thu Đ phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng; theo biên lai thu số 0004737 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Bà Thu Đ đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Dương Thị Thu Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lâm Văn Mỹ N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Thanh